



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số**

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát

**Trụ sở đăng ký**

236/106/1A Điện Biên Phủ  
Phường 17, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

0011  
CÔ  
CH NH  
KI  
TỰ LI

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72  
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành Ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00288-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Hà Nội, Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>491.996.225.734</b>	<b>421.131.540.437</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>340.712.868.131</b>	<b>251.935.741.438</b>
Tiền	111		77.851.220.022	101.935.741.438
Các khoản tương đương tiền	112		262.861.648.109	150.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>100.689.981.132</b>	<b>106.605.879.676</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	14.930.996.881	12.808.405.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	999.045.138	2.257.632.505
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	84.759.939.113	91.539.841.341
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>50.320.649.198</b>	<b>59.958.985.939</b>
Hàng tồn kho	141		50.320.649.198	59.958.985.939
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>272.727.273</b>	<b>2.630.933.384</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		272.727.273	1.087.525.306
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		-	1.543.408.078
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>943.829.626.386</b>	<b>1.139.149.687.555</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.000.000</b>	<b>1.391.204.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		14.000.000	1.391.204.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>741.803.588.834</b>	<b>820.040.984.391</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	717.843.640.093	795.468.031.155
Nguyên giá	222		4.045.983.789.311	3.944.147.032.585
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.328.140.149.218)	(3.148.679.001.430)
Tài sản cố định vô hình	227	10	23.959.948.741	24.572.953.236
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.291.031.470)	(3.678.026.975)

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>110.258.019.074</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	<b>110.258.019.074</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>192.640.046.940</b>	<b>192.674.548.046</b>
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.859.953.060)	(46.825.451.954)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.371.990.612</b>	<b>14.784.932.044</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	4.584.932.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29(d)	9.371.990.612	10.200.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.435.825.852.120</b>	<b>1.560.281.227.992</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>356.284.715.025</b>	<b>400.804.906.392</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>208.789.776.525</b>	<b>222.258.401.892</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	29.994.963.414	65.185.930.618
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	10.449.019.095	16.762.981.808
Phải trả người lao động	314		32.782.133.974	31.132.977.983
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.506.213.646	4.384.719.702
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.091.143.253	7.004.247.243
Vay ngắn hạn	320	17	31.051.566.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	79.174.443.081	57.249.999.998
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.740.294.062	9.485.978.540
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.494.938.500</b>	<b>178.546.504.500</b>
Vay dài hạn	338	17	147.494.938.500	178.546.504.500

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.079.541.137.095</b>	<b>1.159.476.321.600</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.079.541.137.095</b>	<b>1.159.476.321.600</b>
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		250.991.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.678.191.539	121.613.376.044
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(6.898.208.878)	22.137.745.798
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.576.400.417	99.475.630.246
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.435.825.852.120</b>	<b>1.560.281.227.992</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Phương Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	668.590.374.035	684.658.783.181
Giá vốn hàng bán	11	24	544.557.366.017	529.221.899.482
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>124.033.008.018</b>	<b>155.436.883.699</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.292.471.463	28.458.461.565
Chi phí tài chính	22	26	17.353.041.310	16.674.329.212
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.071.342.796	20.665.561.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		55.494.219.251	52.214.231.918
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>61.478.218.920</b>	<b>115.006.784.134</b>
Thu nhập khác	31	27	485.333.941	4.718.250.318
Chi phí khác	32		149.604.708	317.310
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>335.729.233</b>	<b>4.717.933.008</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>61.813.948.153</b>	<b>119.724.717.142</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.409.538.348	30.449.086.896
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		828.009.388	(10.200.000.000)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>48.576.400.417</b>	<b>99.475.630.246</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Phương Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>61.813.948.153</b>	<b>119.724.717.142</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		180.074.152.283	183.308.973.289
Các khoản dự phòng	03		53.169.439.550	46.268.804.425
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.016.226)	28.269.001
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.129.177.241)	(29.094.483.566)
Chi phí lãi vay	06		17.071.342.796	20.665.561.559
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>301.986.689.315</b>	<b>340.901.841.850</b>
Biến động các khoản phải thu	09		21.336.510.622	(71.917.180.509)
Biến động hàng tồn kho	10		9.638.336.741	(8.281.292.965)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(75.931.572.020)	(9.881.887.977)
Biến động chi phí trả trước	12		5.399.730.077	(4.933.266.832)
			<b>262.429.694.735</b>	<b>245.888.213.567</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.538.775.205)	(20.892.004.041)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.552.563.294)	(24.385.477.137)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.357.570.000)	(6.432.933.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>209.980.786.236</b>	<b>194.177.799.139</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.440.169.369)	(38.957.015.635)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	774.786.456
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(40.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		10.129.177.241	28.319.697.110
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.310.992.128)</b>	<b>(49.862.532.069)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Tiền trả cổ tức	36		(70.835.076.700)	(70.892.237.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(101.886.642.700)</b>	<b>(101.943.803.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>88.783.151.408</b>	<b>42.371.463.770</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		251.935.741.438	209.567.691.275
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.024.715)	(3.413.607)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>340.712.868.131</b>	<b>251.935.741.438</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Phương Mai  
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 345 nhân viên (1/1/2020: 345 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong; và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	4.230.797	402.487.405
Tiền gửi ngân hàng	77.846.989.225	101.533.254.033
Các khoản tương đương tiền (*)	262.861.648.109	150.000.000.000
	340.712.868.131	251.935.741.438

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2.9% đến 4%/năm (1/1/2020: 5%/năm).

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	7.155.547.681	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	7.775.449.200	12.799.753.230
<i>Các khách hàng khác</i>	-	8.652.600
	14.930.996.881	12.808.405.830

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước hợp đồng xây dựng văn phòng	-	281.670.990
Trả trước khác	999.045.138	1.975.961.515
	999.045.138	2.257.632.505

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	63.239.848.746	78.176.613.824
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	20.505.470.560	20.505.470.560
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 10</i>	42.671.143.264	57.671.143.264
▪ <i>Phải thu khác</i>	63.234.922	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	1.974.172.321	3.512.063.815
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	1.974.172.321	1.974.172.321
▪ <i>Phải thu về các khoản chi hộ</i>	-	1.537.891.494
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	318.224.864	66.192.892
Tạm ứng cho người lao động	1.719.143.949	2.438.458.265
Phải thu về tiền bảo hiểm được bồi thường	-	1.758.887.891
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 18)	12.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	5.008.549.233	5.587.624.654
	84.759.939.113	91.539.841.341

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nguyên vật liệu	50.097.898.015	57.374.567.506
Công cụ và dụng cụ	222.751.183	273.790.213
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.310.628.220
	50.320.649.198	59.958.985.939

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	174.339.147	3.943.630.184.063	342.509.375	3.944.147.032.585
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	101.836.756.726	-	-	-	101.836.756.726
Số dư cuối năm	101.836.756.726	174.339.147	3.943.630.184.063	342.509.375	4.045.983.789.311
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	174.339.147	3.148.162.152.908	342.509.375	3.148.679.001.430
Khấu hao trong năm	2.733.872.664	-	176.727.275.124	-	179.461.147.788
Số dư cuối năm	2.733.872.664	174.339.147	3.324.889.428.032	342.509.375	3.328.140.149.218
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	-	795.468.031.155	-	795.468.031.155
Số dư cuối năm	99.102.884.062	-	618.740.756.031	-	717.843.640.093

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 250.911 triệu VND (1/1/2020: 295.400 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 1.530.977 triệu VND (1/1/2020: 1.530.977 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

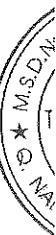
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	3.678.026.975
Khấu hao trong năm	613.004.495
Số dư cuối năm	4.291.031.470
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	24.572.953.236
Số dư cuối năm	23.959.948.741

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
Số dư đầu năm	110.258.019.074	43.271.084.746
Tăng trong năm	13.239.399.179	109.689.977.505
Sử dụng quỹ dự phòng sửa chữa lớn	(21.660.661.527)	(38.470.743.177)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(101.836.756.726)	(4.232.300.000)
Số dư cuối năm	-	110.258.019.074



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020				1/1/2020							
	Số lượng cổ phiếu sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)	100%	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)	
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	
			<u>175.000.000.000</u>						<u>175.000.000.000</u>			
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(46.825.451.954)	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	
			<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.825.451.954)</u>		

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

1000  
 C  
 BACH  
 K  
 1/10

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	46.825.451.954	50.949.357.704
Dự phòng lập trong năm	34.501.106	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.123.905.750)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	46.859.953.060	46.825.451.954

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> <b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	5.453.229.078	6.295.515.616
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	3.306.881.492	8.625.615.066
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.791.075.846	5.571.793.091
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	2.398.721.050	1.686.982.000
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	1.303.974.731	615.438.091
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	72.254.750	189.592.200
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	111.889.800
	<hr/>	<hr/>
	18.326.136.947	23.096.825.864
<b><i>Các bên thứ ba</i></b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng		-
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	4.655.617.360	16.070.949.155
Các nhà cung cấp khác	7.013.209.107	26.018.155.599
	<hr/>	<hr/>
	11.668.826.467	42.089.104.754
	<hr/>	<hr/>
	29.994.963.414	65.185.930.618

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	7.052.744	32.536.087.628	(29.870.081.002)	2.673.059.370
Thuế nhập khẩu	-	2.122.735.371	(2.122.735.371)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.379.776.266	12.409.538.348	(20.552.563.294)	7.236.751.320
Thuế thu nhập cá nhân	1.137.330.934	2.992.078.965	(3.694.640.588)	434.769.311
Các loại thuế khác	238.821.864	1.861.231.925	(1.995.614.695)	104.439.094
	<u>16.762.981.808</u>	<u>51.921.672.237</u>	<u>(58.235.634.950)</u>	<u>10.449.019.095</u>

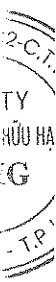
(\*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	1.466.038.011	1.933.470.420
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	2.177.260.049	769.591.240
Cảng phí	402.505.000	379.125.220
Bảo hiểm	3.442.638.033	-
Các khoản khác	1.017.772.553	1.302.532.822
	<u>8.506.213.646</u>	<u>4.384.719.702</u>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả về hoạt động tàu Vân Phong	1.561.067.016	1.645.305.919
Kinh phí công đoàn	1.936.329.430	1.698.879.373
Cổ tức phải trả	1.167.288.660	1.022.365.960
Các khoản phải trả khác	4.426.458.147	2.637.695.991
	<u>9.091.143.253</u>	<u>7.004.247.243</u>





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	9,1%	2026	178.546.504.500	209.598.070.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				147.494.938.500	178.546.504.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 250.911 triệu VND (1/1/2020: 295.400 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	-
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	29.174.443.081	57.249.999.998
Số dư cuối năm	79.174.443.081	57.249.999.998



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Hiện tại các bên liên đới đến vụ xét xử đang xin kháng cáo. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, thời gian xét xử phúc thẩm vẫn chưa được ấn định. Tuy nhiên với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy, do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 7) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND (Thuyết minh 19).

- (ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	<b>Dự phòng sửa chữa lớn</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	57.249.999.998	45.328.033.000
Dự phòng lập trong năm	53.134.938.444	50.392.710.175
Dự phòng sử dụng trong năm	(81.210.495.361)	(38.470.743.177)
Số dư cuối năm	29.174.443.081	57.249.999.998



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	111.101.222.290	1.148.964.167.846
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	99.475.630.246	99.475.630.246
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.983.477.092)	(17.983.477.092)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	121.613.376.044	1.159.476.321.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	48.576.400.417	48.576.400.417
Điều chỉnh theo kết luận của Bản án (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.031.585.522)	(20.031.585.522)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.678.191.539	1.079.541.137.095

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**21. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu (2019: 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	18.036	415.453.731	5.125	118.437.594

**23. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	663.978.374.039	679.854.783.185
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.611.999.996	4.803.999.996
	<b>668.590.374.035</b>	<b>684.658.783.181</b>

**24. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	542.943.166.017	527.223.791.776
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.614.200.000	1.998.107.706
	<b>544.557.366.017</b>	<b>529.221.899.482</b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức được chia	1.250.200.000	23.729.842.881
Lãi tiền gửi	8.878.977.241	4.589.854.229
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	163.294.222	138.764.455
	<b>10.292.471.463</b>	<b>28.458.461.565</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	17.071.342.796	20.665.561.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	247.197.408	132.673.403
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	-	(4.123.905.750)
Lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	34.501.106	-
	<hr/>	<hr/>
	17.353.041.310	16.674.329.212
	<hr/>	<hr/>

**27. Thu nhập khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền bảo hiểm được bồi thường	231.394.607	3.943.463.862
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	774.786.456
Các khoản khác	253.939.334	-
	<hr/>	<hr/>
	485.333.941	4.718.250.318
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	113.576.258.107	107.276.594.428
Chi phí nhân công	116.475.539.428	118.912.331.784
Chi phí khấu hao	180.074.152.283	183.308.973.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.800.796.459	58.375.821.404
Chi phí khác	118.814.210.771	115.234.206.599
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	12.409.538.348	30.449.086.896
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	828.009.388	(10.200.000.000)
Chi phí thuế thu nhập	13.237.547.736	20.249.086.896

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.813.948.153	119.724.717.142
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.362.789.631	23.944.943.428
Thu nhập không bị tính thuế	(250.040.000)	(4.745.968.576)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.149.188.696	1.075.296.953
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(24.390.591)	(25.184.909)
	13.237.547.736	20.249.086.896

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 9.371.990.612 VND liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú (1/1/2020: 10.200.000.000 VND).



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.500.069.825	198.870.419.007
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	486.805.825.060	485.788.364.174
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.868.981.231	5.570.618.571
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.214.749.918	13.440.902.016
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.181.818	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.872.653.908	15.139.220.100
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.910.014.303	22.585.209.570
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.488.710.087	42.672.870.209
<b>Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	182.100.636	883.911.456
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.895.003.500	741.078.000
<b>Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.676.085.318	337.292.500
<b>Tổng kho XD Nhà Bè</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	316.305.000	549.417.000
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	5.107.820.000	6.335.300.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	313.760.000	325.600.000



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Phương Mai  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
*Kế toán trưởng*



Nguyễn Quang Cường  
*Tổng Giám đốc*